

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN chuyển sang rút ròng trong bối cảnh thanh khoản hạ nhiệt

NHNN chuyển sang rút ròng thanh khoản

Trong tuần 15 năm 2026 (từ ngày 06 đến 10 tháng 4), NHNN đã chuyển sang trạng thái rút ròng thanh khoản khỏi hệ thống ngân hàng, sau một tuần bơm ròng mạnh mẽ trước đó. Cụ thể, NHNN phát hành 70.4 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có 136.6 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng thanh khoản đáng kể đạt 66.3 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống.

Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng phân hóa khi lãi suất kỳ hạn ngắn tăng, trong khi lãi suất các kỳ hạn dài hơn giảm nhẹ. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng tăng lần lượt 145 đcb, 170 đcb, 100 đcb và 95 đcb lên mức 6.85%, 7.35%, 7.05% và 7.55%. Đà tăng này phản ánh nhu cầu gia tăng tại kỳ hạn cực ngắn khi một khối lượng lớn các hợp đồng mua kỳ hạn (repo) đáo hạn trong tuần. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 3 tháng (3M) và 6 tháng (6M) giảm 10 đcb xuống còn 7.70% và 7.90%. Hoạt động giao dịch hạ nhiệt khi doanh số bình quân giảm 8.78% so với tuần trước xuống còn 826.33 nghìn tỷ đồng.

USDVND hạ nhiệt

Trong tuần này, tỷ giá USDVND đã nhích giảm sau sáu tuần tăng liên tiếp khi đồng bạc xanh suy yếu đáng kể, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 98.7 (-1.38% WoW) vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD yếu đi cùng với sự sụt giảm đáng kể của giá năng lượng khi căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Iran bước vào giai đoạn đàm phán. Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm 0.03% (tương đương 8 điểm), bám sát đà suy yếu chung của đồng USD, bất chấp đà bán ròng duy trì của khối ngoại trên thị trường chứng khoán.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T10-25	T11-25	T12-25	T1-26	T2-26	T3-26	Corr.
FDI %n/n	11.4	9.5	9.5	11.3	1.5	2.2	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	7.7	7.7	7.8	7.7	11.9	12.1	-0.16
Xuất khẩu %n/n	17.5	15.1	23.8	29.7	5.7	20.1	-0.05
Nhập khẩu %n/n	16.8	16.0	27.7	49.2	4.4	27.8	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	2.6	1.1	-0.7	-1.8	-1.0	-0.7	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.2	0.5	0.2	0.1	1.1	1.2	-0.03
Tín dụng %n/n	20.5	20.2	19.1	20.5	20.2	15.9	-0.23
USDVND %t/t	-0.4	0.2	-0.6	-1.0	0.3	1.2	-0.3
PMI(Điểm)	54.5	53.8	53.0	52.5	54.3	51.2	-0.09
VNINDEX %t/t	-1.3	3.1	5.5	2.5	2.8	-10.9	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN chuyển sang rút ròng thanh khoản.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa	3
III. Lợi suất TPCP nhích tăng.....	4
IV. USDVND hạ nhiệt.....	6
Thống kê vĩ mô	8

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

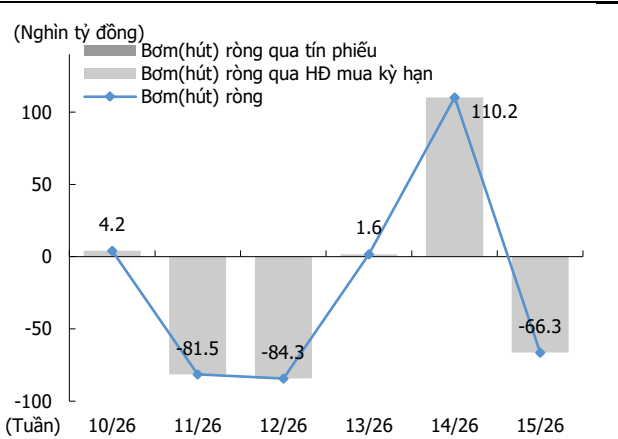
I. NHNN chuyển sang rút ròng thanh khoản

NHNN rút thanh khoản khi nhu cầu huy động vốn của hệ thống hạ nhiệt

Trong tuần 15 năm 2026 (từ ngày 06 đến 10 tháng 4), NHNN đã chuyển sang trạng thái rút ròng thanh khoản khỏi hệ thống ngân hàng, sau một tuần bơm ròng mạnh mẽ trước đó. Cụ thể, NHNN phát hành 70.4 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có 136.6 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng thanh khoản đáng kể đạt 66.3 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống.

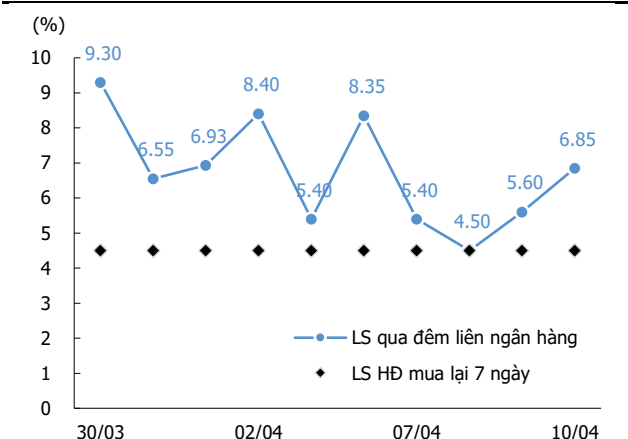
Diễn biến này cho thấy nhu cầu huy động vốn cao ghi nhận vào đầu quý 2 đã bắt đầu hạ nhiệt, cho phép NHNN hấp thụ lượng thanh khoản dư thừa nhằm duy trì sự cân bằng trên thị trường. Hướng tới tương lai, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì phương thức tiếp cận cân bằng để đảm bảo sự ổn định của lãi suất liên ngân hàng, đồng thời theo dõi sát sao đà tăng trưởng tín dụng và áp lực tỷ giá từ bên ngoài trong bối cảnh môi trường vĩ mô còn nhiều thách thức.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/04/26	20/04/26	14	4.64	4.50
7/04/26	21/04/26	14	1.00	4.50
8/04/26	22/04/26	14	1.00	4.50
9/04/26	23/04/26	14	1.00	4.50
10/04/26	24/04/26	14	5.00	4.50
Tổng		14	12.64	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14 ngày

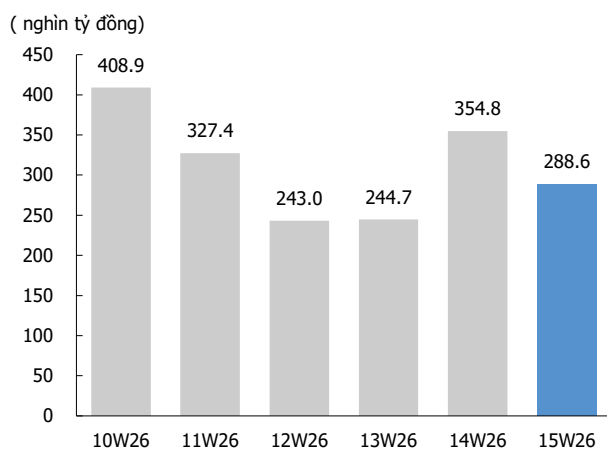
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/04/26	11/05/26	35	14.89	4.50
7/04/26	12/05/26	35	1.00	4.50
8/04/26	13/05/26	35	1.00	4.50
9/04/26	14/05/26	35	2.00	4.50
10/04/26	15/05/26	35	10.00	4.50
Tổng		35	28.89	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 56 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
6/04/26	1/06/26	56	10.83	4.50
7/04/26	2/06/26	56	3.00	4.50
8/04/26	3/06/26	56	2.00	4.50
9/04/26	4/06/26	56	3.00	4.50
10/04/26	5/06/26	56	10.00	4.50
Tổng		56	28.83	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành

Nguồn: NHNN, KIS

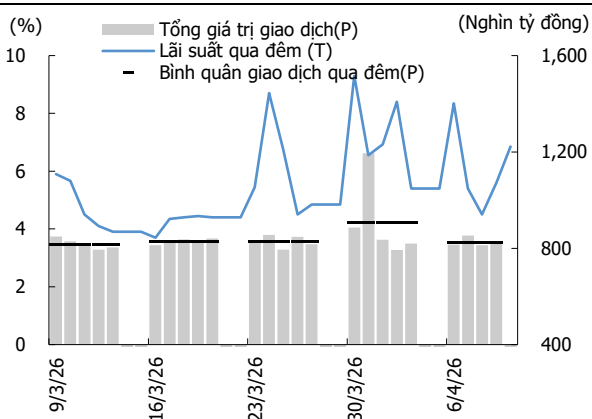
II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

Lãi suất kỳ hạn ngắn tăng do các hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong khi các kỳ hạn dài hơn hạ nhiệt

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng phân hóa khi lãi suất kỳ hạn ngắn tăng, trong khi lãi suất các kỳ hạn dài hơn giảm nhẹ. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) tăng lần lượt 145 đcb, 170 đcb, 100 đcb và 95 đcb lên mức 6.85%, 7.35%, 7.05% và 7.05% và 7.55%. Đà tăng này phản ánh nhu cầu gia tăng tại kỳ hạn cực ngắn khi một khối lượng lớn các hợp đồng mua kỳ hạn (repo) đáo hạn trong tuần. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 3 tháng (3M) và 6 tháng (6M) giảm 10 đcb xuống còn 7.70% và 7.90%. Hoạt động giao dịch hạ nhiệt khi doanh số bình quân giảm 8.78% so với tuần trước xuống còn 826.33 nghìn tỷ đồng.

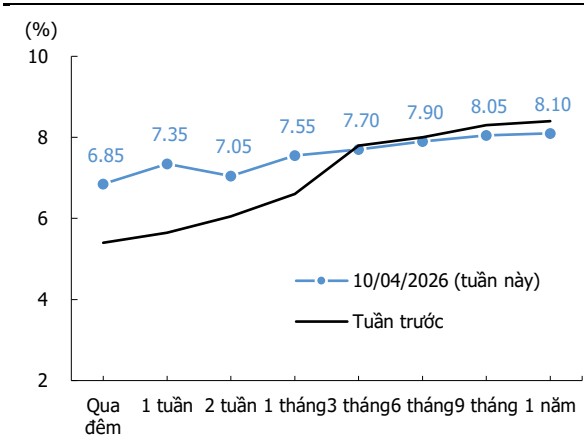
Những diễn biến này cho thấy mặc dù hệ thống ngân hàng đối mặt với áp lực tức thời từ các hợp đồng repo đáo hạn, môi trường thanh khoản tổng thể vẫn trong tầm kiểm soát. Hướng tới tương lai, lãi suất liên ngân hàng dự kiến sẽ dao động trong phạm vi ổn định khi Ngân hàng Trung ương tiếp tục điều chỉnh lại mức độ thanh khoản.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



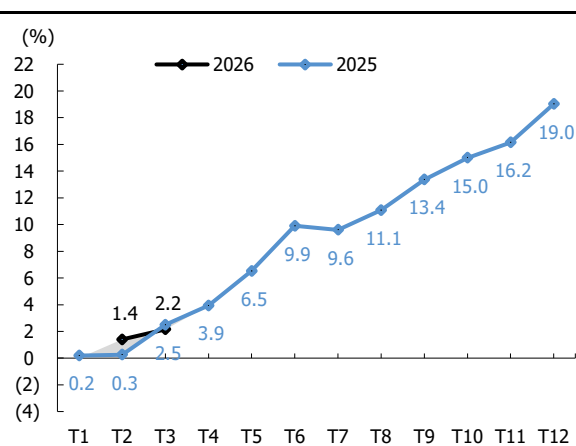
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



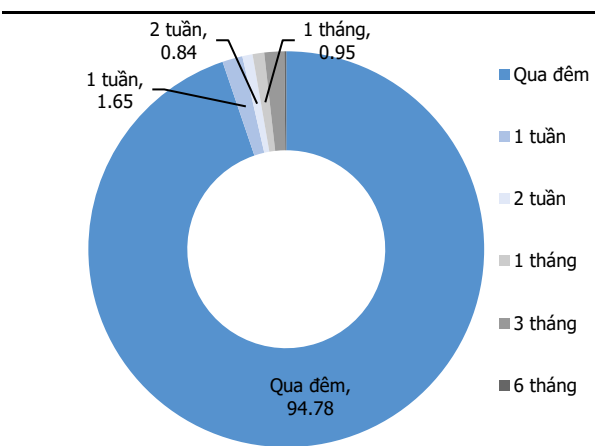
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 24/12/2025

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



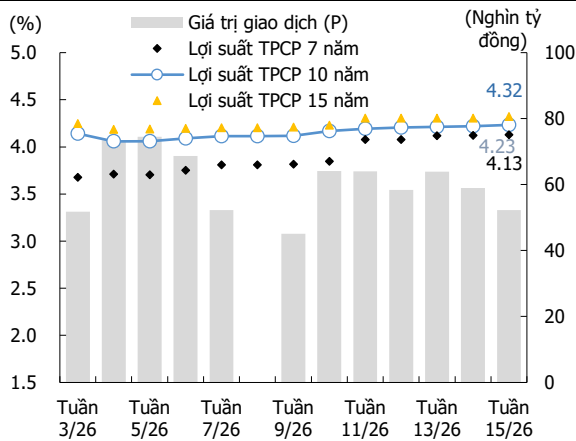
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP nhích tăng

Lợi suất TPCP tăng ở các kỳ hạn

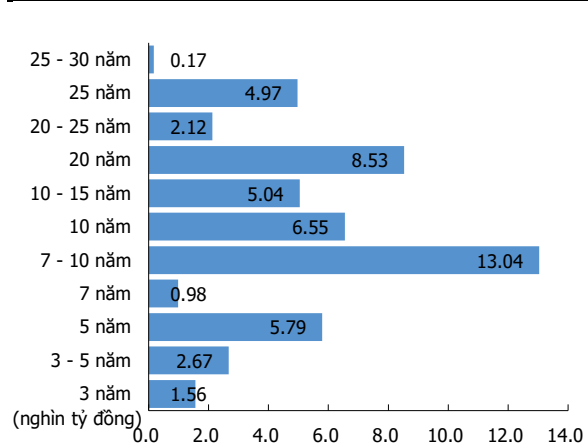
Trong tuần 15 năm 2026, lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn trong khi hoạt động giao dịch chứng lại. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn giao dịch sôi động bao gồm 5 năm, 7 năm và 10 năm cùng tăng 1 đcb, trong khi kỳ hạn 15 năm tăng 2 đcb, đạt mức lần lượt là 4.08%, 4.13%, 4.23% và 4.32%. Trong khi đó, tổng giá trị giao dịch giảm 11.3% so với tuần trước xuống còn 52.27 nghìn tỷ đồng, đạt bình quân 17.42 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



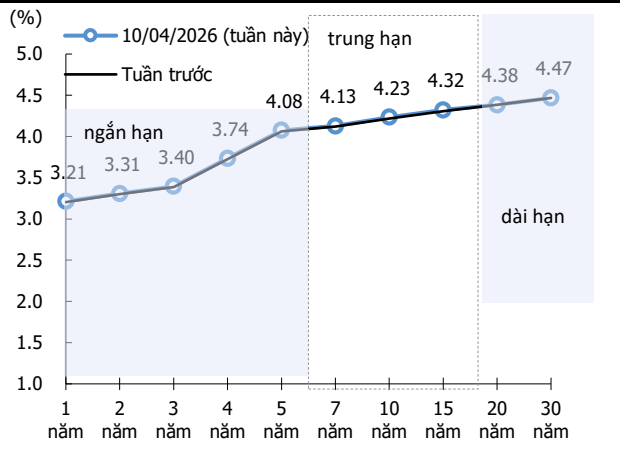
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



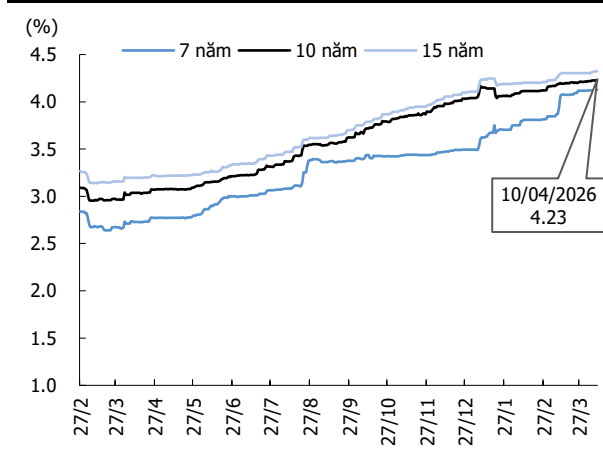
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

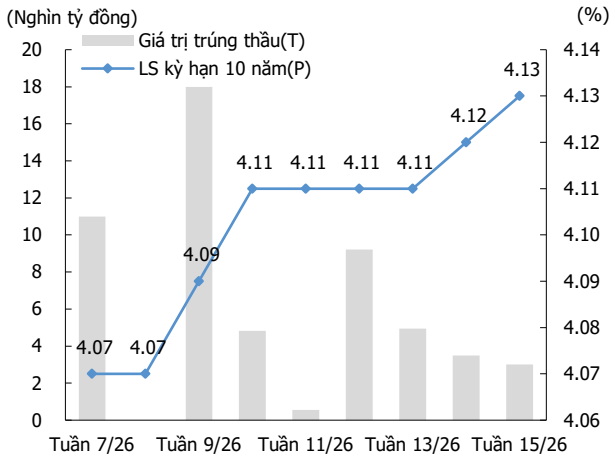
Hình 14: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

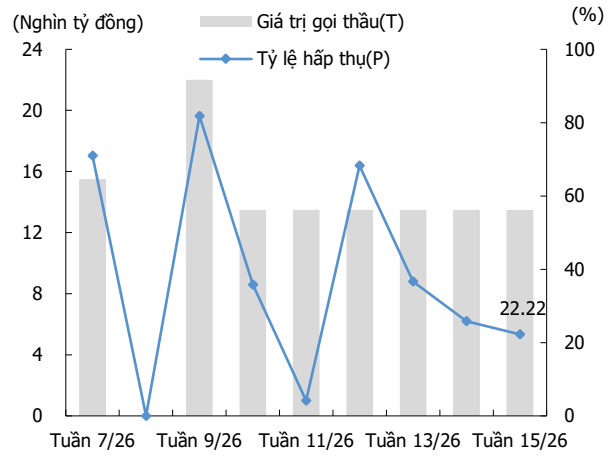
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động phát hành chậm lại khi KBNN chỉ phát hành thành công 3.00 nghìn tỷ đồng trong tuần này, giảm 13.9% so với tuần trước, với lợi suất trúng thầu nhích tăng 1 đcb lên mức 4.13%. Tính đến hiện tại, KBNN đã hoàn thành 21.7% kế hoạch phát hành của năm 2026, tốc độ này chậm hơn một chút so với mức 24.6% ghi nhận cùng kỳ năm ngoái.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



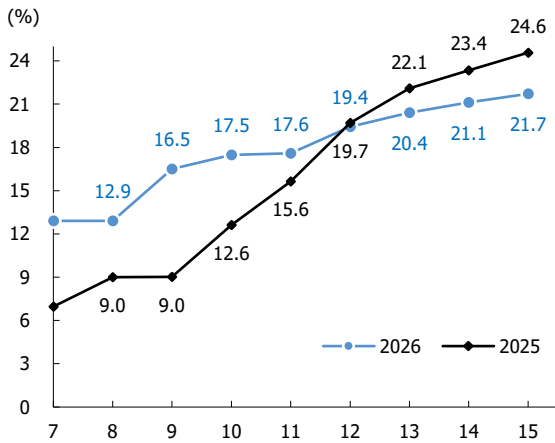
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



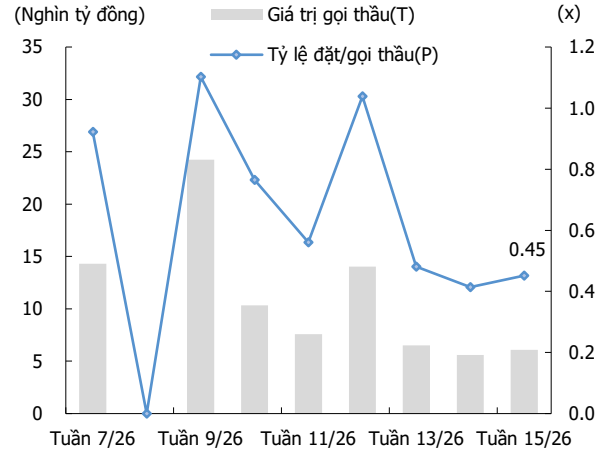
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



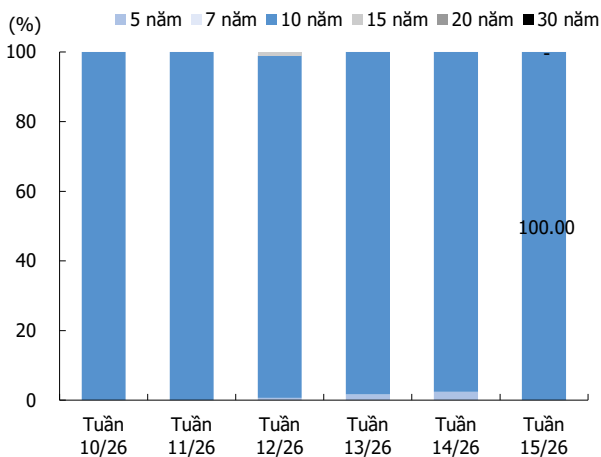
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



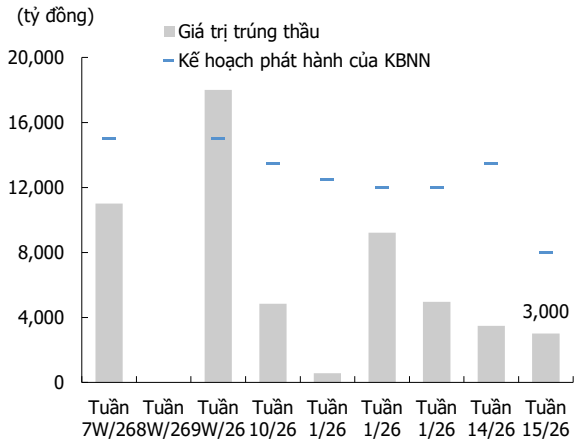
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND hạ nhiệt

Tỷ giá USDVND ghi nhận tuần giảm đầu tiên sau sáu tuần tăng liên tiếp

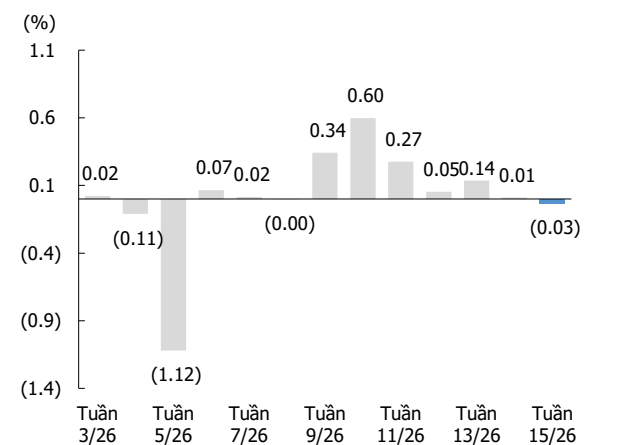
Trong tuần này, tỷ giá USDVND nhích giảm sau sáu tuần tăng liên tiếp khi đồng bạc xanh suy yếu đáng kể, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 98.7 (-1.38% WoW) vào thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, đồng USD yếu đi cùng với sự sụt giảm đáng kể của giá năng lượng, khi căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Iran bước vào giai đoạn đàm phán. Triển vọng hạ nhiệt căng thẳng được cải thiện đã làm dấy lên hy vọng về việc bình thường hóa dòng chảy vận tải qua eo biển Hormuz, giúp giảm bớt áp lực lên giá năng lượng toàn cầu.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm 0.03% (tương đương 8 điểm), bám sát đà suy yếu chung của đồng USD, bất chấp đà bán ròng duy trì của khối ngoại trên thị trường chứng khoán (đạt 3.18 nghìn tỷ đồng, chiếm 2.6% tổng giá trị giao dịch trên HoSE).

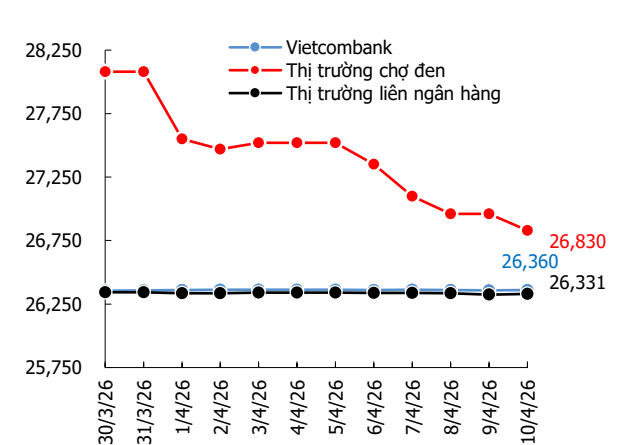
Về phương diện tỷ giá, giá bán USDVND tại Vietcombank giảm 0.01% (tương đương 2 điểm), trong khi thị trường tự do ghi nhận mức giảm mạnh hơn là 2.51% (690 điểm). Tính đến thứ Sáu, giá bán ra đứng ở mức VND26,360 tại Vietcombank và VND26,830 trên thị trường tự do.

Hình 20: Diễn biến của USDVND theo tuần



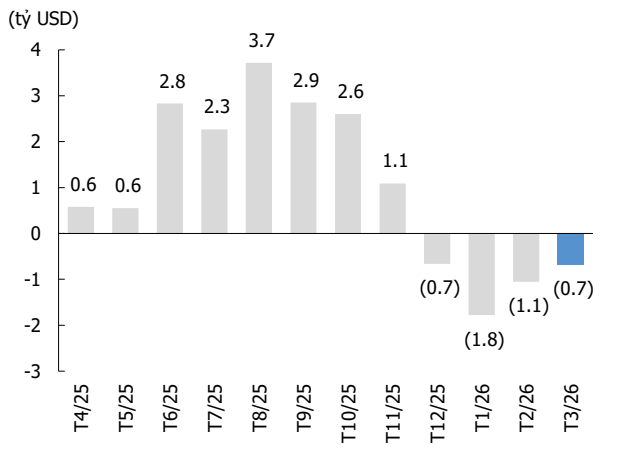
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 21: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



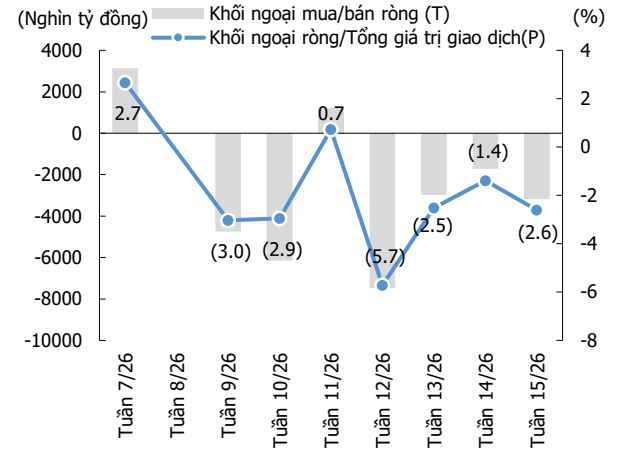
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 22: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



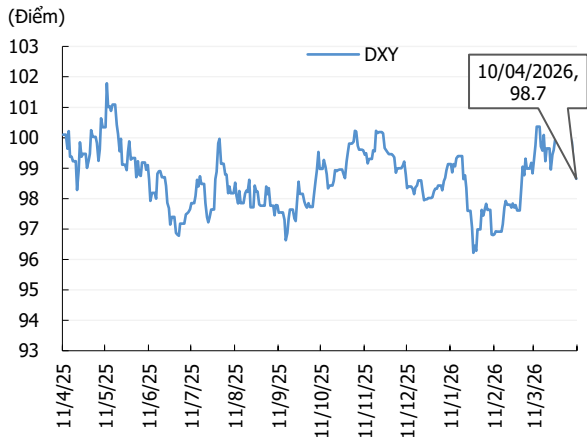
Nguồn: GSO, KIS
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 06/01/2025

Hình 23: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiipro, KIS

Hình 24: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 25: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		13W26	14W26	15W26	2026 YTD
Trung Quốc	USDCNY	0.11	-0.43	-0.76	-2.27
EU	USDEUR	0.55	-0.09	-1.74	0.19
Mexico	USDMXN	1.22	-1.20	-3.36	-16.68
Việt Nam	USDVND	0.14	0.01	-0.03	0.22
Canada	USDCNY	1.24	0.37	-0.75	-4.06
Thượng Hải	USDTWD	-0.30	0.34	-0.79	-3.49
Nhật Bản	USDJPY	0.68	-0.40	-0.25	1.80
Hàn Quốc	USDKRW	0.42	0.00	-1.79	3.05
Thái Lan	USDTHB	0.31	-0.87	-1.37	2.04
DXY	Chỉ số đồng USD	0.51	-0.12	-1.38	0.33

Nguồn: SBV, Bloomberg
 Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T11-25	T12-25	T1-26	T2-26	T3-26	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	2022	2023	2024	2025
Tăng GDP thực (%)						8.16	8.25	8.46	7.83	8.54	4.98	7.04	8.02
FDI đăng ký (USD bn)	2.17	4.73	2.56	3.45	9.17	10.54	7.02	9.88	15.20	27.72	36.61	38.23	38.42
GDP bình quân (USD)										4,110	4,285	4,700	5,026
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.21	2.22	2.21	2.32	2.26	2.24	2.22
Xuất khẩu (tỷ USD)	39.07	44.03	43.19	33.06	46.44	110.62	118.38	126.3	122.93	371.85	355.5	405.5	475.0
Nhập khẩu (tỷ USD)	37.98	44.69	44.97	34.10	47.11	118.83	120.19	123.1	126.57	360.65	327.5	380.8	455.01
Tăng trưởng XK (%)	15.15	23.81	29.67	5.74	20.11	10.62	18.38	19.96	19.08	10.61	-4.4	14.3	17.00
Tăng trưởng NK (%)	16.04	27.69	49.22	4.40	27.83	18.83	20.19	21.28	27.00	8.35	-8.9	16.7	19.40
Lạm phát (%)	3.58	3.48	2.53	3.35	4.65	3.31	3.27	3.44	3.51	3.15	3.25	3.63	3.31
USD/VND	26,372	26,225	25,950	26,030	26,342	26,121	26,427	26,296	26,342	23,650	23,784	25,386	26,296
Tăng trưởng tín dụng (%)	20.24	19.07	20.49	20.18	15.88	19.22	20.10	19.07	15.88	14.2	13.7	13.8	17.87
TPCP 10 năm (%)	4.03	4.19	4.18	4.25	4.36	3.34	3.76	4.19	4.36	5.08	2.39	2.94	4.19

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.